

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH GIA LAI

BÁO CÁO

**TÌNH HÌNH KINH TẾ - XÃ HỘI 9 THÁNG
NĂM 2025**

Phần

01

TÌNH HÌNH KINH TẾ - XÃ HỘI 9 THÁNG NĂM 2025



I. KẾT QUẢ CHUNG TOÀN TỈNH

1. Thực hiện các chỉ tiêu chủ yếu

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kế hoạch năm 2025				Kết quả thực hiện:			Lũy kế 9 tháng đầu năm 2025 so với kế hoạch năm 2025
			Năm 2025	Phân kỳ:			6 tháng đầu năm	Quý III	Lũy kế 9 tháng đầu năm	
				Quý III	Quý IV	6 tháng cuối năm				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
1	Tốc độ tăng GRDP	%	8,3	8,8 - 9,2	8,7 - 9,5	8,7 - 9,3	7,56	6,88	7,31	
	- Nông, lâm, thủy sản	%	4,8	4,7 - 5,2	4,5 - 5,6	4,6 - 5,4	4,65	2,26	3,77	
	- Công nghiệp và xây dựng	%	11,5	11,6 - 11,9	13,1 - 14,0	12,3 - 12,9	10,85	11,06	10,93	
	+ Công nghiệp	%	12	12,1 - 12,4	11,8 - 13,3	12,0 - 12,8	11,54	12,76	11,97	
	+ Xây dựng	%	10,3	10,3 - 10,6	15,1 - 15,4	13,1	8,79	6,95	8,05	
	- Dịch vụ	%	8,7	9,2 - 9,7	9,4 - 10,1	9,3 - 9,9	7,65	7,30	7,53	
	- Thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm	%	4,5	8,5 - 8,8	4,2 - 4,6	6,4 - 6,8	0,79	2,26	1,42	
2	Chỉ số sản xuất CN (IIP)	%	9,0 - 9,5	8,5 - 9,5	8,5 - 9,5	9,0 - 9,5	9,2	10,11	9,51	
3	Kim ngạch xuất khẩu	Triệu USD	2.880,6	597,5	597,5	1.195	1.686,0	1.090,1	2.776,1	96,37%
4	Tổng thu ngân sách trên địa bàn	Tỷ đồng	24.082	5.996	5.688	11.684	13.655,6	7.157,4	20.813,0	86,42%
	- Thu nội địa	Tỷ đồng	22.903	5.687	5.363	11.050	13.379,4	6.988,0	20.367,4	88,93%
	- Thu thuế từ hoạt động xuất nhập khẩu	Tỷ đồng	980	258	276	534	222,3	156,1	378,4	38,61%

I. KẾT QUẢ CHUNG TOÀN TỈNH

1. Thực hiện các chỉ tiêu chủ yếu

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kế hoạch năm 2025	Kết quả thực hiện:		
				Lũy kế 6 tháng đầu năm	Quý III	Lũy kế 9 tháng đầu năm
1	2	3	4	8	9	10
5	Tốc độ tăng Tổng vốn đầu tư phát triển toàn xã hội	%	9,5	10,1	7,3	8,6
6	Duy trì mức sinh thay thế bình quân mỗi phụ nữ trong độ tuổi sinh đẻ có từ 2,0 đến 2,2 con	2,0 – 2,2	Duy trì			Duy trì
7	Tạo việc làm mới	Người	59.700	37.589	9.055	46.644
8	Tỷ lệ lao động đã qua đào tạo, bồi dưỡng nghề	%	65,36	64,42	65	65
9	Tỷ lệ hộ nghèo đa chiều	%	2,24	Đánh giá cuối năm		
10	Tỷ lệ người lao động tham gia bảo hiểm xã hội	%	22,76	18,94	20,25	20,25
11	Tỷ lệ dân số tham gia bảo hiểm y tế	%	95,6	95,7		94,5
12	Tỷ lệ trạm y tế có bác sỹ	%	96,8	96,8		100

I. KẾT QUẢ CHUNG TOÀN TỈNH

1. Thực hiện các chỉ tiêu chủ yếu

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kế hoạch năm 2025	Kết quả thực hiện:		
				Lũy kế 6 tháng đầu năm	Quý III	Lũy kế 9 tháng đầu năm
1	2	3	4	8	9	10
13	Tỷ lệ xã, phường, thị trấn đạt Bộ Tiêu chí quốc gia về y tế xã	%	98,0	Cung cấp khi có hướng dẫn mới của Bộ Y tế		
14	Số giường bệnh kế hoạch trên 1 vạn dân	Giường	34,7	34,6		34,7
15	Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng thể nhẹ cân	%	10,7	Thực hiện cân đo và cung cấp số liệu vào Quý IV hàng năm		
16	Tỷ lệ che phủ rừng	%	46,1	45,77		45,77
17	Tỷ lệ dân cư nông thôn sử dụng nước hợp vệ sinh	%	99	98,5	99	99
	<i>Trong đó: Tỷ lệ sử dụng nước sạch</i>	%	38,5	35	36,5	36,5
18	Tỷ lệ dân cư đô thị sử dụng nước sạch qua hệ thống cấp nước tập trung	%	73,5			73,3
19	Tỷ lệ chất thải rắn ở đô thị được thu gom	%	91,5		91	91
20	Tỷ lệ chất thải rắn ở nông thôn được thu gom	%	60		59	59
21	Số lượng căn hộ nhà ở xã hội hoàn thành	Căn hộ	742	0	0	0

I. KẾT QUẢ CHUNG TOÀN TỈNH

1. Thực hiện các chỉ tiêu chủ yếu

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kế hoạch năm 2025	Kết quả thực hiện:		
				Lũy kế 6 tháng đầu năm	Quý III	Lũy kế 9 tháng đầu năm
1	2	3	4	8	9	10
1	Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng	Tỷ đồng	193.100	96.447	52.565	149.012
2	Số xã đạt chuẩn nông thôn mới	Xã	Không đánh giá năm 2025			
3	Số xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao	Xã				
4	Số xã đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu	Xã				
5	Tổng lượng khách du lịch	Triệu lượt khách	12,4	7,38	3,22	10,6
6	Doanh thu du lịch	Tỷ đồng	29.000	16.850	7.150	24.000
7	Thu hút dự án mới	Dự án	165	118	23	141
8	Số doanh nghiệp thành lập mới	Doanh nghiệp	2.250	1.503	905	2.408

I. KẾT QUẢ CHUNG TOÀN TỈNH

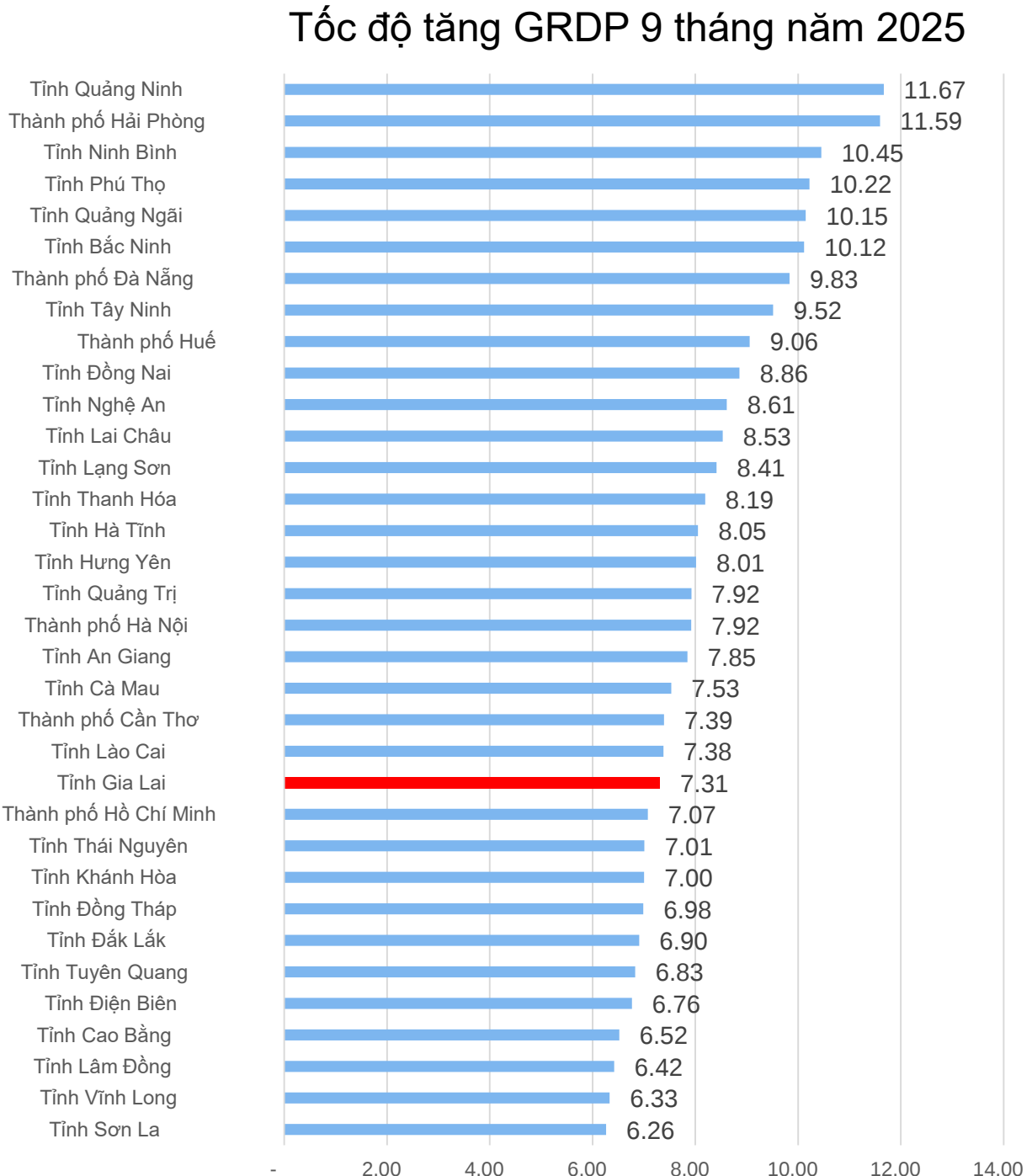
1. Thực hiện các chỉ tiêu chủ yếu

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kế hoạch năm 2025	Kết quả thực hiện:		
				Lũy kế 6 tháng đầu năm	Quý III	Lũy kế 9 tháng đầu năm
1	2	3	4	8	9	10
9	Số vốn đăng ký của doanh nghiệp thành lập mới	Tỷ đồng	19.000	11.600	7.072	18.672
10	Phòng chống lấn chiếm đất đai					
-	Số vụ vi phạm được giải quyết trong năm	Số vụ	3.463	1.374	255	1.629
11	Giải phóng mặt bằng					
-	Số lượng công trình, dự án hoàn thành GPMB so với tổng số dự án trên địa bàn	%	≥ 50	10,78		12,45
12	Giảm tỷ lệ đơn khiếu nại về lĩnh vực đất đai phát sinh mới	%	70	chưa phát sinh	92	92
13	Tỷ lệ giải quyết số vụ việc khiếu nại thuộc thẩm quyền	%	85	89,24	87,1	87,1
14	Tỷ lệ giải ngân vốn đầu tư công so với kế hoạch HĐND tỉnh giao	%	100	45,54		54,05
15	Phát triển sản phẩm du lịch mới	Sản phẩm	14	5	1	6
16	Hình thành mới chuỗi liên kết sản xuất, tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp trên địa bàn	Cơ sở	11	9	1	10
17	Xây dựng mới cơ sở giết mổ động vật tập trung	Chuỗi	8	0	0	0

* TĂNG TRƯỞNG KINH TẾ

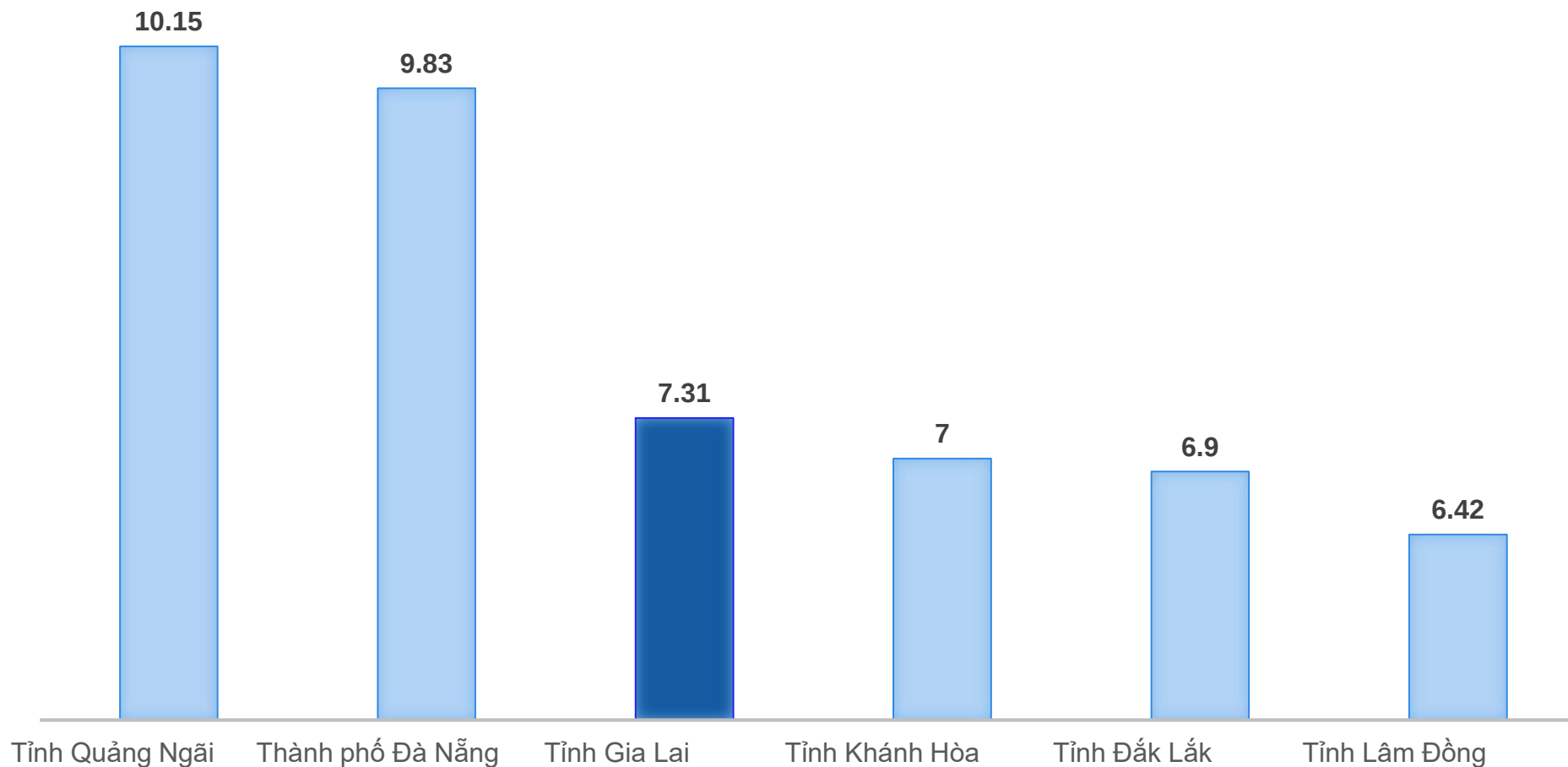
Chỉ tiêu	Tốc độ tăng GRDP (%)		
	6 tháng	Quý III	9 tháng
Tốc độ tăng GRDP	7,56	6,88	7,31
- Nông, lâm, thủy sản	4,65	2,26	3,77
- Công nghiệp và xây dựng	10,85	11,06	10,93
+ Công nghiệp	11,54	12,76	11,97
+ Xây dựng	8,79	6,95	8,05
- Dịch vụ	7,65	7,30	7,53
- Thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm	0,79	2,26	1,42

➤ Tính chung 9 tháng năm 2025, tốc độ t GRDP tỉnh Gia Lai xếp vị trí thứ 23/34 địa phương trong cả nước



* TĂNG TRƯỞNG KINH TẾ

- So với các tỉnh, thành phố vùng duyên hải Nam Trung bộ và Tây Nguyên, tốc độ tăng GRDP 9 tháng của tỉnh Gia Lai xếp vị trí thứ 03/6 tỉnh, thành phố.



TỐC ĐỘ TĂNG GRDP 9 THÁNG NĂM 2025

* TĂNG TRƯỞNG KINH TẾ: CÁC XÃ, PHƯỜNG

STT	Địa phương	Quý III năm 2025 so với cùng kỳ (%)	9 tháng năm 2025 so với cùng kỳ (%)
1	Xã Bình An	21,76	22,95
2	Xã Kon Chiêng	20,98	21,04
3	Xã Canh Vinh	24,96	18,95
4	Xã Ia O	23,23	17,92
5	Xã Bình Khê	21,30	17,06
6	Xã Tây Sơn	18,35	16,33
7	Xã An Toàn	21,40	16,24
8	Xã An Vinh	21,63	15,74
9	Xã Ia Ly	21,08	15,33
10	Xã Lơ Pang	14,27	14,02
11	Xã Chư Puh	11,47	11,72
12	Xã Ia Tul	5,21	11,41
13	Xã Ia Lâu	8,50	10,66
14	Xã Vân Canh	4,20	10,14
15	Phường Bình Định	9,12	9,65
16	Xã Chư Prông	9,44	9,57
17	Xã Bình Phú	5,61	9,48
18	Phường An Nhơn Nam	8,50	9,39
19	Phường An Nhơn Đông	8,78	9,27
20	Xã Vĩnh Sơn	1,35	9,07

STT	Địa phương	Quý III năm 2025 so với cùng kỳ (%)	9 tháng năm 2025 so với cùng kỳ (%)
	B		
21	Xã Ayun	6,14	8,82
22	Xã Vĩnh Quang	5,79	8,56
23	Xã Kbang	5,91	8,55
24	Xã Kông Chro	5,28	8,50
25	Phường Quy Nhơn Bắc	8,29	8,46
26	Phường An Nhơn	6,76	8,43
27	Xã Hòa Hội	8,53	8,43
28	Xã Phù Cát	7,78	8,39
29	Xã Vĩnh Thạnh	8,61	8,33
30	Phường Diên Hồng	7,03	8,28
31	Xã Đăk Rong	6,48	8,26
32	Phường Bồng Sơn	6,02	8,21
33	Xã Xuân An	7,07	8,12
34	Phường Quy Nhơn	8,25	8,09
35	Xã Vĩnh Thịnh	5,05	8,08
36	Xã Bàu Cạn	6,91	7,93
37	Phường Tam Quan	5,41	7,92
38	Phường Hoài Nhơn Nam	5,55	7,87
39	Xã Tuy Phước	3,77	7,86
40	Xã Chư Sê	6,55	7,86

* TĂNG TRƯỞNG KINH TẾ: CÁC XÃ, PHƯỜNG

STT	Chỉ tiêu	Quý III năm 2025 so với cùng kỳ (%)	9 tháng năm 2025 so với cùng kỳ (%)
41	Xã Pờ Tó	6,07	7,83
42	Phường Quy Nhơn Tây	6,69	7,81
43	Xã Ia Ko	7,18	7,57
44	Phường An Nhơn Bắc	5,34	7,53
45	Phường Pleiku	10,39	7,51
46	Xã Tuy Phước Tây	2,03	7,47
47	Phường An Phú	7,58	7,46
48	Phường Quy Nhơn Đông	6,38	7,38
49	Xã An Nhơn Tây	5,52	7,36
50	Phường Hoài Nhơn	5,98	7,26
51	Xã Al Bá	6,90	7,14
52	Xã Phù Mỹ	5,57	7,09
53	Xã Bờ Ngoong	6,79	7,05
54	Xã Cát Tiến	6,42	6,99
55	Xã Chư A thai	5,06	6,86
56	Phường An Bình	9,34	6,70
57	Xã Phú Túc	3,34	6,69
58	Phường Quy Nhơn Nam	4,53	6,69
59	Xã Ia Le	6,33	6,67
60	Xã Ia Dok	5,37	6,67
61	Xã Phù Mỹ Tây	6,18	6,66

STT	Chỉ tiêu	Quý III năm 2025 so với cùng kỳ (%)	9 tháng năm 2025 so với cùng kỳ (%)
62	Xã Tuy Phước Đông	4,38	6,61
63	Xã Tuy Phước Bắc	4,34	6,52
64	Xã Ia Boòng	5,59	6,49
65	Xã Ia Hdreh	7,57	6,46
66	Xã Ia Hnú	6,06	6,43
67	Xã Ia Rsai	7,67	6,40
68	Phường Hoài Nhơn Bắc	5,18	6,36
60	Xã Ia Tôr	6,05	6,36
70	Xã Cửu An	6,08	6,34
71	Xã Ân Tường	2,48	6,32
72	Xã Ia Sao	4,37	6,31
73	Xã Ia Chía	5,98	6,26
74	Xã Bình Dương	2,14	6,24
75	Xã Ia Krêl	6,53	6,23
76	Xã Kim Sơn	4,35	6,22
77	Xã Bình Hiệp	2,48	6,20
78	Xã Ia Rbol	4,46	6,20
79	Xã Phú Thiện	5,39	6,14
80	Xã Kon Gang	4,95	6,06

* TĂNG TRƯỞNG KINH TẾ: CÁC XÃ, PHƯỜNG

STT	Chỉ tiêu	Quý III năm 2025 so với cùng kỳ (%)	9 tháng năm 2025 so với cùng kỳ (%)
81	Phường Hoài Nhơn Tây	3,55	6,04
82	Xã Hoài Ân	1,96	6,02
83	Xã Phù Mỹ Nam	3,03	6,02
84	Xã Ia Grai	5,06	5,99
85	Phường Thống Nhất	5,22	5,95
86	Xã Ia Khuol	7,24	5,92
87	Xã An Lão	2,36	5,82
88	Xã Canh Liên	5,49	5,80
89	Xã Chư Krêy	3,75	5,80
90	Xã Đăk Pơ	4,30	5,79
91	Xã Uar	6,90	5,68
92	Xã Ngô Mây	3,58	5,68
93	Xã Nhơn Châu	3,04	5,67
94	Xã Ia Krái	5,66	5,63
95	Xã Đak Đoa	4,95	5,58
96	Xã Ia Hiao	3,90	5,52
97	Xã Ia Hrug	5,65	5,47
98	Xã Hội Sơn	2,09	5,45
99	Xã Ân Hảo	2,30	5,42
100	Phường An Khê	4,72	5,42

STT	Chỉ tiêu	Quý III năm 2025 so với cùng kỳ (%)	9 tháng năm 2025 so với cùng kỳ (%)
101	Xã Phù Mỹ Bắc	4,33	5,42
102	Xã Ia Pia	4,46	5,35
103	Xã Đăk Song	3,73	5,34
104	Xã Ya Ma	3,49	5,27
105	Xã Sơn Lang	2,59	5,13
106	Xã Ia Dom	6,44	5,06
107	Xã KDang	5,08	5,06
108	Xã Chơ Long	3,39	5,05
109	Xã Ia Băng	4,93	5,04
110	Xã Chư Păh	3,93	5,04
111	Phường Hội Phú	5,33	5,01
112	Xã Tơ Tung	3,53	5,00
113	Xã Biền Hồ	3,05	4,95
114	Xã Đak Somei	4,73	4,94
115	Xã Ia Pnôn	5,90	4,89
116	Xã Vạn Đức	0,42	4,82
117	Xã Kông Bờ La	3,52	4,71
118	Xã Ia Phí	5,75	4,64
119	Xã Ya Hội	4,40	4,60
120	Xã Đức Cơ	5,98	4,55

* TĂNG TRƯỞNG KINH TẾ: CÁC XÃ, PHƯỜNG

STT	Chỉ tiêu	Quý III năm 2025 so với cùng kỳ (%)	9 tháng năm 2025 so với cùng kỳ (%)
121	Xã An Lương	3,98	4,51
122	Phường Ayun Pa	3,12	4,23
123	Xã Sró	2,88	4,23
124	Xã Đề Gi	3,70	4,14
125	Xã Krong	2,83	4,12
126	Xã An Hòa	4,35	4,03
127	Xã Gào	1,97	3,92
128	Xã Mang Yang	2,80	3,73
129	Xã Phù Mỹ Đông	3,56	3,56
130	Phường Hoài Nhơn Đông	3,70	3,40
131	Xã Ia Pa	5,11	3,24
132	Xã Ia Puch	1,47	2,82
133	Xã Ia Nan	5,82	2,72
134	Xã Ia Mor	2,01	2,71
135	Xã Hra	(0,32)	1,61

II. PHÂN TÍCH CHI TIẾT CÁC NGÀNH, LĨNH VỰC

1. Nông, lâm, thủy sản

1.1. Nông nghiệp

1.1.1 Trồng trọt

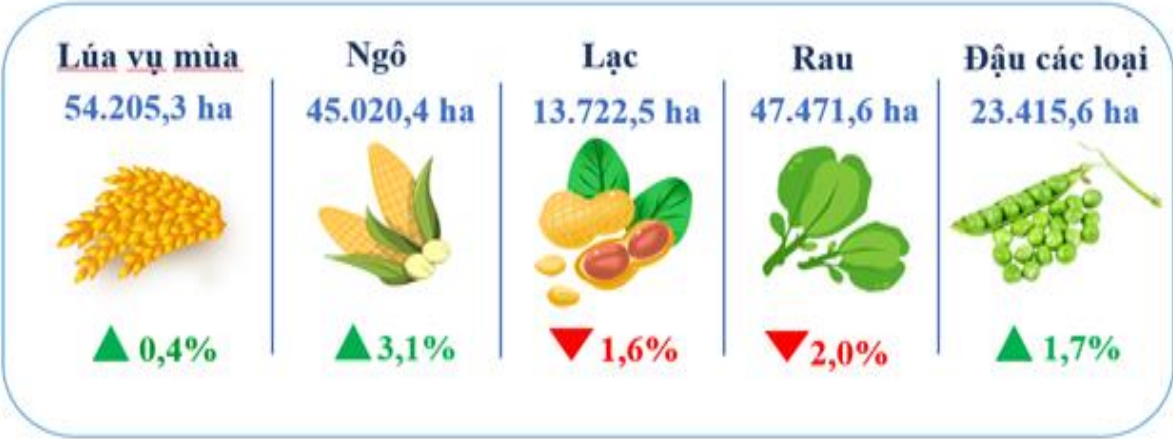
a) Kết quả thực hiện

❖Diện tích gieo trồng lúa đạt 166.629 ha (vụ Đông Xuân 73.654 ha, vụ Hè Thu 42.161 ha, vụ Mùa 50.813 ha) tăng 2,2% so với cùng kỳ.

❖Tiến độ gieo trồng một số cây trồng hằng năm khác như sau: Cây ngô 45.020,4 ha, tăng 3,1%, cây lạc 13.722,5 ha giảm 1,6%, rau các loại 47.471,6 ha, giảm 2,0%, đậu các loại 23.415,6 ha, tăng 1,7% so với cùng kỳ.

❖Kết quả chuyển đổi cơ cấu cây trồng: Các địa phương trong tỉnh đã thực hiện chuyển đổi cơ cấu cây trồng kém hiệu quả với diện tích 13.108 ha (trong đó: đất trồng lúa thường 5.965 ha, đất trồng sắn 6.253 ha, đất trồng mía 86 ha...), để chuyển sang các cây trồng như: khoai lang 963 ha, rau các loại 2.101 ha, đậu đỗ các loại 517 ha, ngô 904 ha, lạc 3.194 ha...

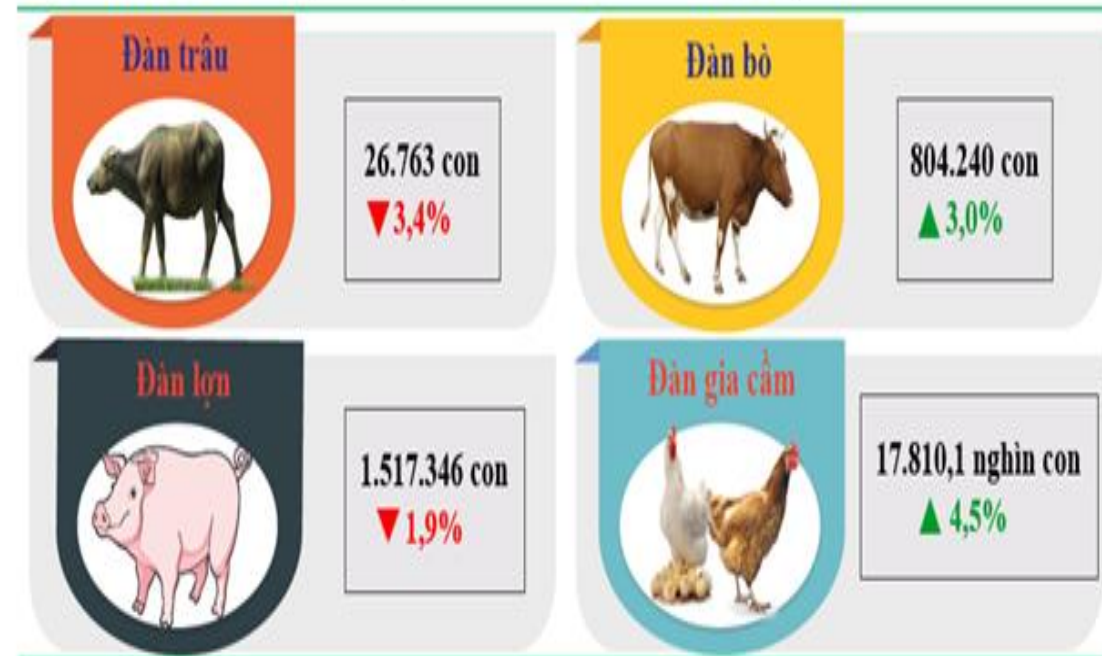
Diện tích gieo trồng một số loại cây
(9 tháng năm 2025 so với cùng kỳ)



1.1.2. Chăn nuôi

- ❖ Trong các tháng gần đây, hoạt động chăn nuôi bị ảnh hưởng bởi diễn biến phức tạp của dịch bệnh, nhất là bệnh Dịch tả lợn châu Phi. Tuy nhiên nhìn chung chăn nuôi trên địa bàn tỉnh cơ bản được kiểm soát, duy trì.
- ❖ Tổng đàn lợn ước tính đạt trên 1,51 triệu con, giảm 1,9% so với cùng kỳ; Đàn bò ước đạt 804.240 con, tăng 3,0%; đàn gia cầm ước đạt 17,8 triệu con, tăng 4,5% so với cùng kỳ.
- ❖ Công tác kiểm tra, phòng chống dịch bệnh động vật được duy trì thường xuyên, hiệu quả.
- ❖ Sản lượng thịt hơi xuất chuồng lũy kế 9 tháng đầu năm 2025 như sau: Thịt bò tăng 10,3%; thịt lợn tăng 13,1% (trong đó 6 tháng đầu năm tăng 23,3%; quý III/2025 giảm 5,6%); thịt gia cầm tăng 11,8% so với cùng kỳ.

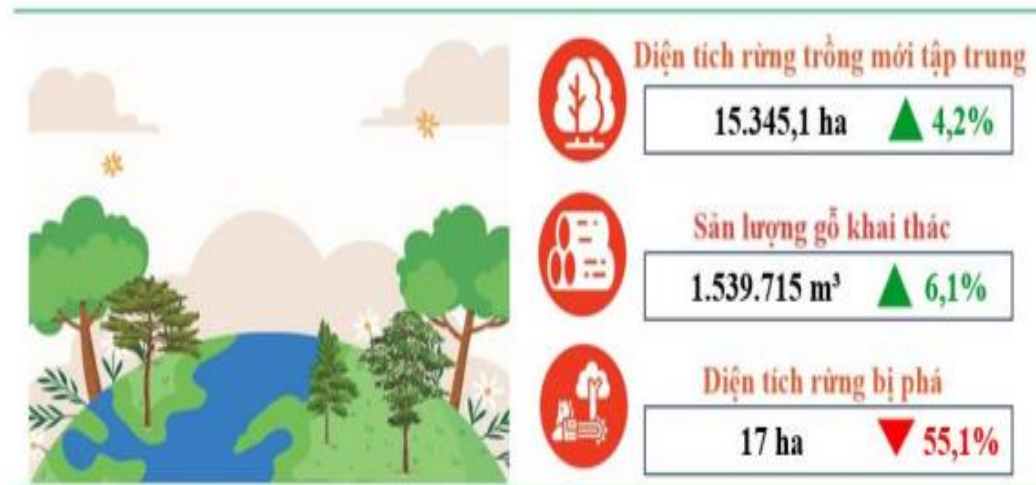
Số lượng đầu con gia súc, gia cầm
(Tháng 9 năm 2025 so với cùng kỳ)



1.1.3. Lâm nghiệp

- Đã thực hiện nghiêm túc công tác bảo vệ và phát triển rừng, tăng cường công tác tuần tra, kiểm soát và bảo vệ rừng.
- Từ đầu năm đến nay diện tích trồng rừng tập trung được 15.345 ha, tăng 4,2% so với cùng kỳ.
- Sản lượng gỗ khai thác ước đạt 1,53 triệu m³, tăng 6,1% so với cùng kỳ, chủ yếu là gỗ nguyên liệu.
- Kết quả thực hiện trồng, chuyển hóa rừng cây gỗ lớn: Từ đầu năm đến nay, đã thực hiện trồng, chuyển hóa rừng cây gỗ lớn 41,5 ha. Luỹ kế đến nay, diện tích trồng rừng gỗ lớn trên địa bàn tỉnh 10.294,3 ha
- Từ đầu năm đến nay đã xảy ra 02 vụ cháy rừng trồng, giảm 02 vụ so với cùng kỳ

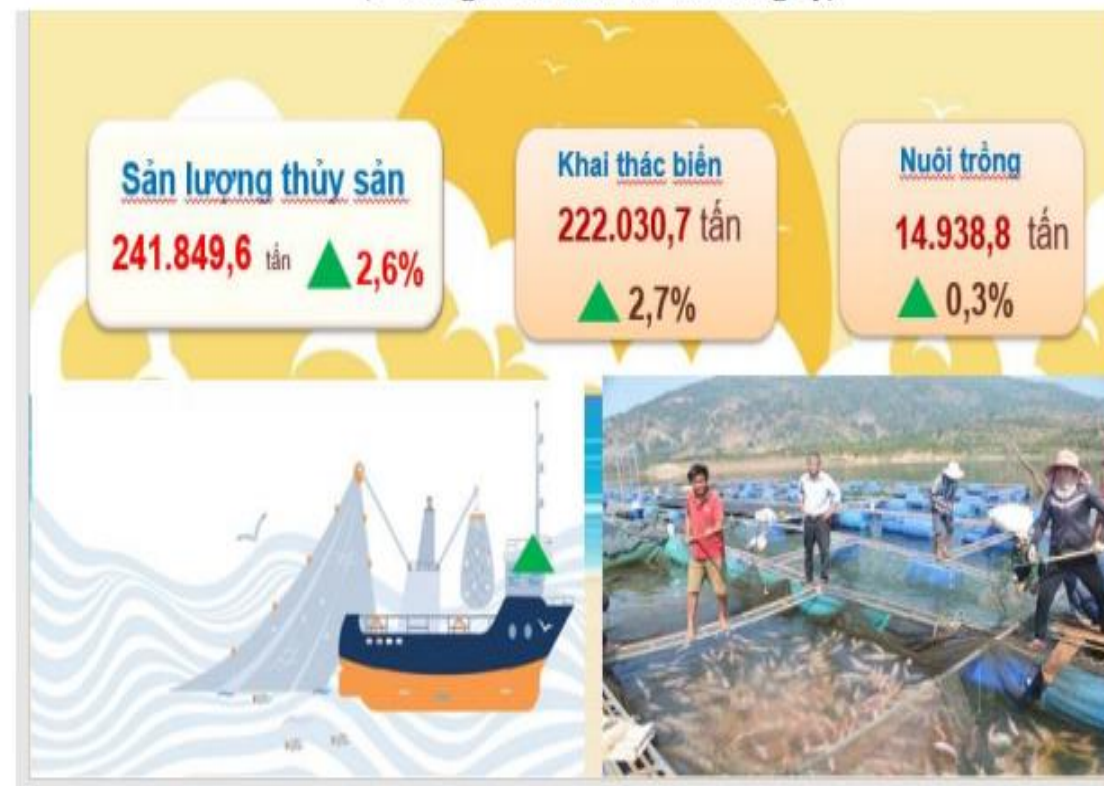
Hình 11. Tình hình lâm nghiệp
(9 tháng năm 2025 so với cùng kỳ)



1.1.4. Thủy sản

- Trong 9 tháng năm 2025, hoạt động khai thác thủy sản chịu ảnh hưởng của bão và áp thấp nhiệt đới trên biển, ngư dân đã chủ động di chuyển ngư trường nên sản lượng khai thác thủy sản vẫn duy trì ở mức tăng trưởng so với cùng kỳ 2024
- Sản lượng khai thác thủy sản tháng 9 tháng đầu năm ước đạt 222.030 tấn, tăng 2,7% so với cùng kỳ.
- Toàn tỉnh tiếp tục thực hiện có hiệu quả các giải pháp cấp bách về chống khai thác thủy sản bất hợp pháp (IUU) và các chính sách hỗ trợ ngư dân khai thác hải sản xa bờ theo quy định.

Hình 12. Sản lượng thủy sản
(9 tháng năm 2025 so với cùng kỳ)



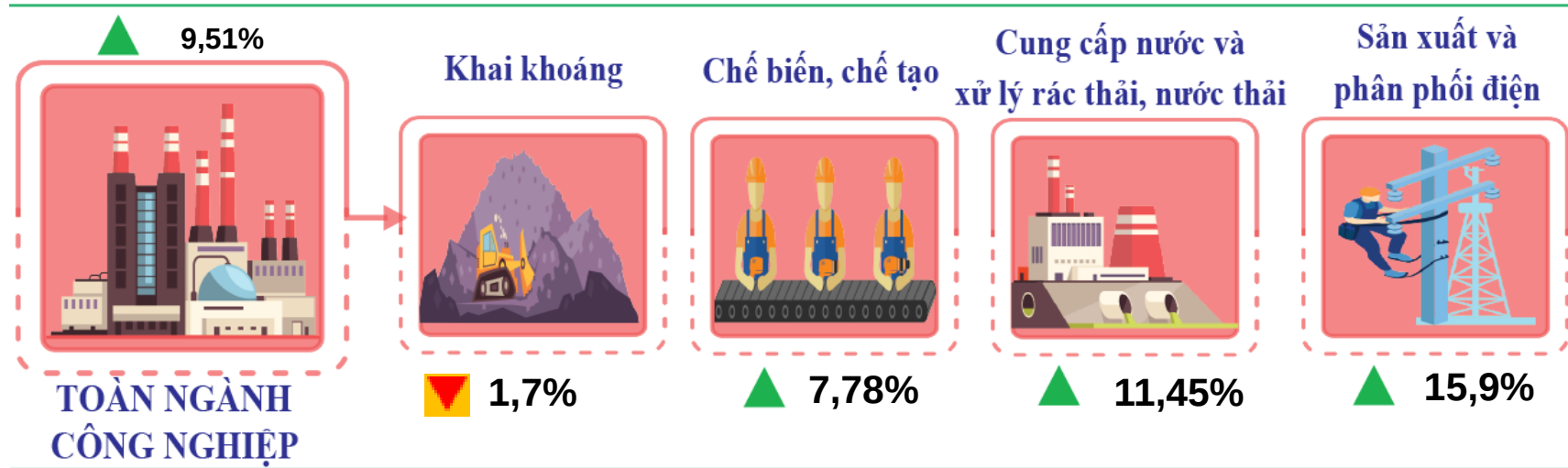
1.1.5. Về phát triển nông thôn và xây dựng nông thôn mới



- Ngành nông nghiệp đã hướng dẫn các địa phương xây dựng các dự án, kế hoạch liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm. Đến nay, đã hình thành mới 10 chuỗi liên kết (đạt 90,91% so với kế hoạch)
- Đến nay có 47/110 xã công nhận đạt chuẩn nông thôn mới (đạt tỷ lệ 42,7%); 03/47 xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao (đạt 6,4%).
- Toàn tỉnh hiện có 981 sản phẩm đạt hạng OCOP, trong đó: 851 sản phẩm đạt hạng OCOP 3 sao, 123 sản phẩm đạt hạng OCOP 4 sao và 07 sản phẩm đạt hạng OCOP 5 sao.

2. Công nghiệp – xây dựng

2.1. Công nghiệp



- 9 tháng đầu năm, chỉ số sản xuất công nghiệp tăng 9,51% so với cùng kỳ. Trong đó ngành công nghiệp chế biến chế tạo tăng 7,78%; ngành công nghiệp khai khoáng giảm 1,70%; ngành công nghiệp sản xuất và phân phối điện tăng 15,90%; ngành cung cấp nước quản lý và xử lý rác thải, nước thải tăng 11,45% so với cùng kỳ.
- Lũy kế 9 tháng năm 2025, có 80 dự án sản xuất, kinh doanh với tổng vốn đầu tư 10.281 tỷ đồng đi vào hoạt động (trong tổng số 100 dự án dự kiến đi vào hoạt động trong năm 2025 theo kế hoạch); trong đó, có 08 dự án trọng điểm với tổng vốn đầu tư 8.955 tỷ đồng. So cùng kỳ năm 2024, tăng 36 dự án tương ứng vốn đầu tư tăng 5.934 tỷ đồng, đóng góp vào mức chung tang của tỉnh.

2. Công nghiệp – xây dựng

2.2. Xây dựng

- ❖ Công tác quy hoạch, chỉnh trang đô thị, xây dựng các khu dân cư, nhà ở xã hội tiếp tục được quan tâm thực hiện.
- ❖ Đẩy nhanh tiến độ triển khai thực hiện dự án, hoàn thành chỉ tiêu số lượng căn hộ nhà ở xã hội hoàn thành trong năm 2025 là 742 căn.



2.2. Xây dựng

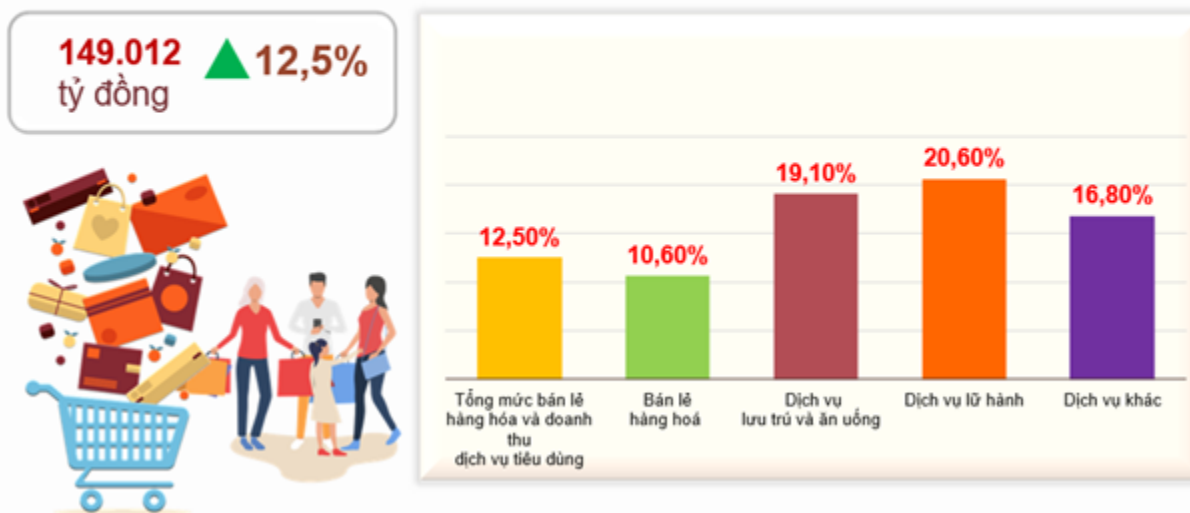
Nhân dịp chào mừng kỷ niệm 80 năm Cách mạng Tháng Tám thành công, Quốc khánh nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (2/9/1945 - 2/9/2025) và Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ I, UBND tỉnh đã tổ chức khởi công, khánh thành nhiều dự án trọng điểm như: Khởi công Dự án đường cát hạ cánh số 2 tại Cảng hàng không Phù Cát, Dự án Đầu tư Xây dựng và Kinh doanh kết cấu hạ tầng Khu công nghiệp Phù Mỹ giai đoạn 1, Dự án Khu sản xuất, chế biến nông, lâm sản tập trung (VinaNutrifood Bình Định), Khánh thành các dự án giao thông quan trọng như: Tuyến đường tránh phía Nam thị trấn Phú Phong; Tuyến đường Điện Biên Phủ nối dài đến Khu đô thị Diêm Vân và tuyến đường tránh ĐT.633 đoạn từ Núi Ghèn đến giáp đường ven biển ĐT.639...



3. Thương mại, dịch vụ, du lịch, tài chính

3.1. Thương mại, dịch vụ

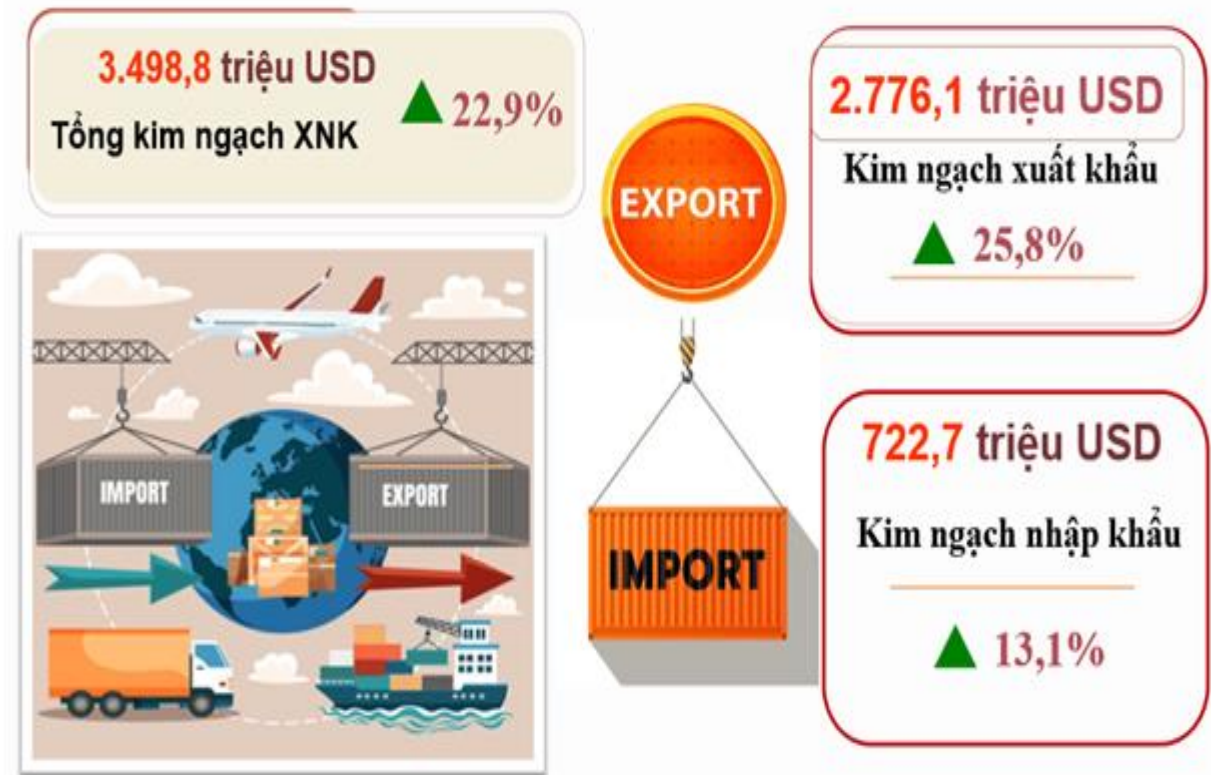
| Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng
(9 tháng năm 2025 so với cùng kỳ)



- Tình hình thị trường hàng hóa trong tháng duy trì ổn định, lưu thông thông suốt.
- Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng 9 tháng đầu năm 2025 ước đạt 149.011 tỷ đồng, tăng 12,5% so với cùng kỳ; trong đó, doanh thu bán lẻ hàng hóa ước đạt 110.467 tỷ đồng, tăng 10,6%; hoạt động dịch vụ lưu trú và ăn uống ước đạt 22.877 tỷ đồng, tăng 19,1%; du lịch lữ hành ước đạt 1.041 tỷ đồng, tăng 20,6%; dịch vụ khác ước đạt 14.625 tỷ đồng, tăng 16,8% so với cùng kỳ.

3.2. Xuất, Nhập khẩu

- Tình hình xuất, nhập khẩu hàng hoá 9 tháng năm 2025 vẫn tiếp tục duy trì đà tăng trưởng ổn định.
- UBND tỉnh đã tổ chức Hội nghị xúc tiến xuất khẩu sang thị trường Trung Quốc.
- Kim ngạch xuất khẩu 9 tháng ước thực hiện 2.776,1 triệu USD, đạt 96,6% kế hoạch năm, tăng 25,8% so với cùng kỳ.
- Kim ngạch nhập khẩu 9 tháng ước thực hiện 722,7 triệu USD, tăng 13,1% so với cùng kỳ.



3.3. Du lịch

- ❖ Tỉnh Gia Lai diễn ra hàng loạt chương trình, lễ hội phục vụ du khách và người dân. Tổ chức Lễ hội tinh hoa Đại ngàn - Biển xanh hội tụ năm 2025 với mục tiêu quảng bá thể mạnh, tiềm năng của tỉnh, góp phần bảo tồn, phát huy các giá trị tinh hoa của vùng đất và con người địa phương; thu hút khách du lịch đến với biển Quy Nhơn, góp phần phát triển kinh tế đêm, kinh tế biển, kích cầu dịch vụ du lịch, ẩm thực của địa phương.
- ❖ 9 tháng đầu năm 2025, toàn tỉnh ước đón 10,6 triệu lượt khách, tăng 15,5% so với cùng kỳ, trong đó khách quốc tế ước đạt 97.700 lượt, tăng 9%; khách nội địa ước đạt trên 10,5 triệu lượt, tăng 15,3% so với cùng kỳ. Doanh thu du lịch 9 tháng ước đạt 24.000 tỷ đồng, tăng 11% so với cùng kỳ.



3.4. Tài chính

3.4.1. Thu chi ngân sách tỉnh

Tổng thu ngân sách nhà nước

20.813 tỷ đồng, đạt 86,4% dự toán



Tổng chi ngân sách nhà nước:
28.177 tỷ đồng, đạt 65,2% dự toán

Thu nội địa

(trừ tiền SDD, XSKT và lợi nhuận được chia)

10.487 tỷ đồng, đạt 75,9% dự toán

Thu tiền sử dụng đất

9.480 tỷ đồng, đạt 109% dự toán

Thu Xuất nhập khẩu

378 tỷ đồng, đạt 38,6% dự toán

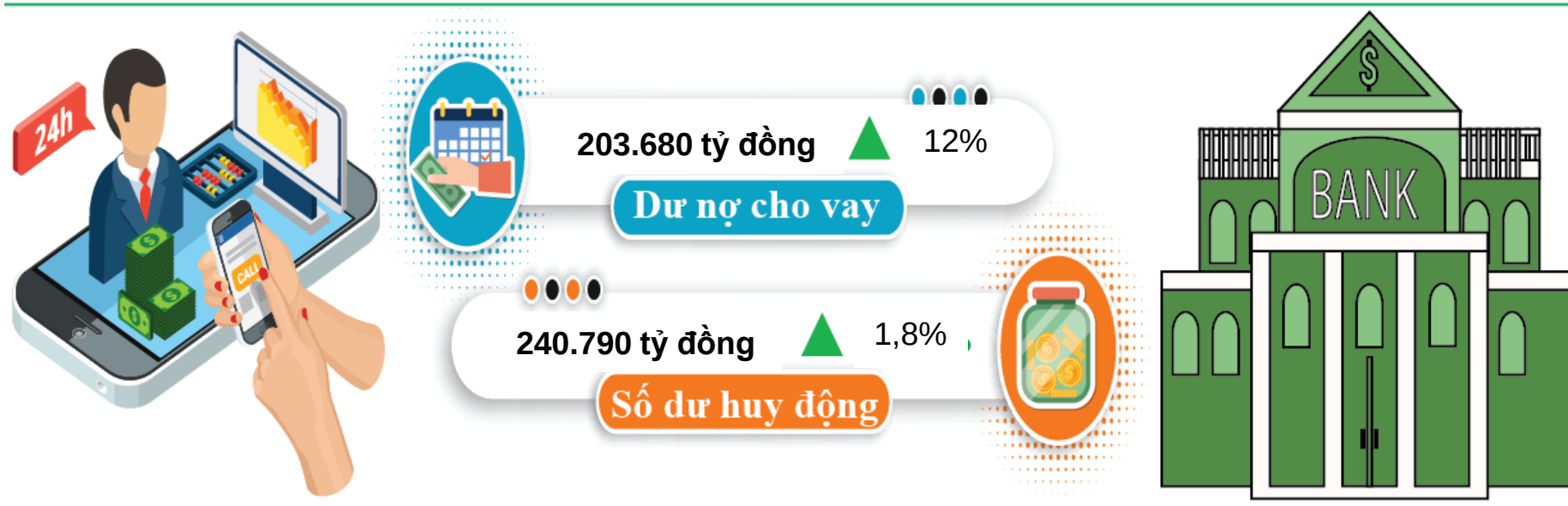
Chi thường xuyên

20.740 tỷ đồng, đạt 84,7% dự toán

3.4. Tài chính

3.4.2. Hoạt động ngân hàng

(Đến 31/9/2025 so với cùng kỳ)

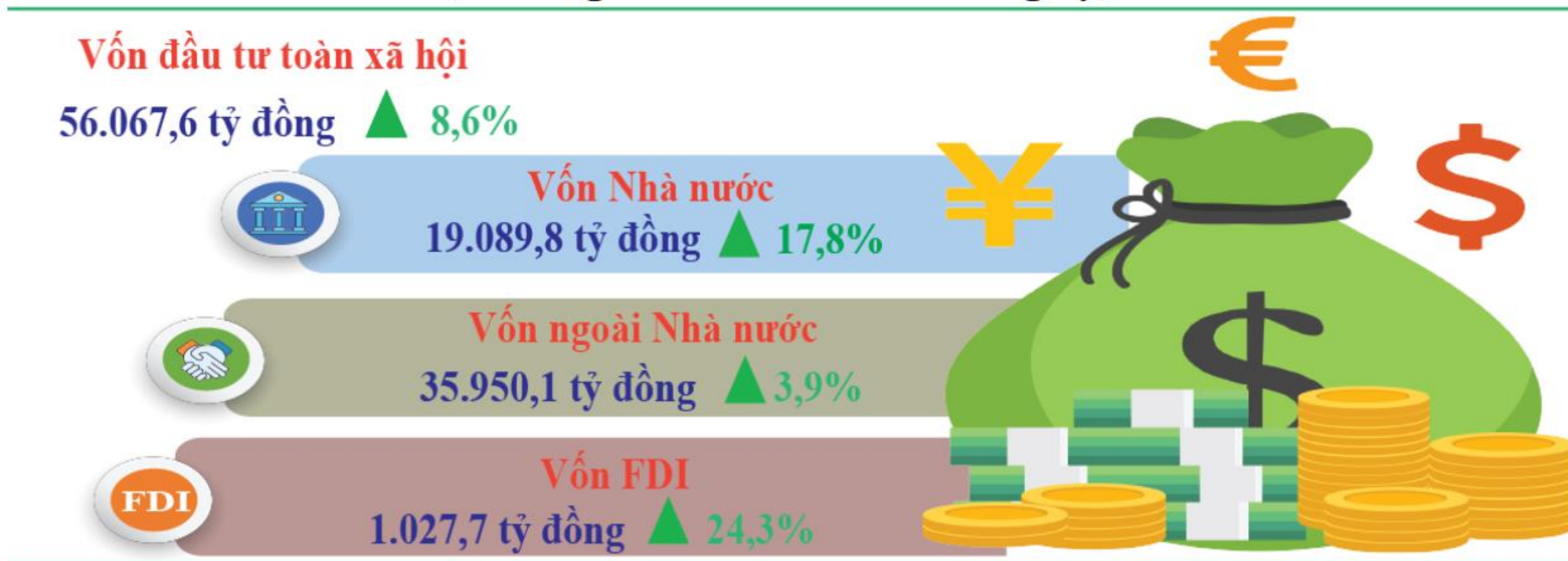


- Tổng nguồn vốn huy động của hệ thống ngân hàng, tổ chức tín dụng trên địa bàn tỉnh là 203.680 tỷ đồng, tăng 12,0% so với tháng 12/2024.
- Tổng dư nợ ước đạt 240.790 tỷ đồng, tăng 1,8% so với tháng 12/2024 (trong đó nợ xấu chiếm khoảng 1,71% so với tổng dư nợ).

4. Đầu tư

4.1. Vốn đầu tư phát triển trên địa bàn

(9 tháng năm 2025 so với cùng kỳ)



- Tổng mức thực hiện vốn đầu tư phát triển trên địa bàn tỉnh Gia Lai 9 tháng năm 2025 ước đạt 56.067,6 tỷ đồng, tăng 8,6% so với cùng kỳ.
- Trong đó: Vốn Nhà nước trên địa bàn ước đạt 19.089,8 tỷ đồng, chiếm 34,1%, tăng 17,8%. Vốn ngoài Nhà nước ước đạt 35.950,1 tỷ đồng, chiếm 64,1%, tăng 3,9%. Vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài ước đạt 1.027,7 tỷ đồng, chiếm 1,8%, tăng 24,3%.

4.2. Đầu tư công

ĐVT: Triệu đồng

Tổng kế hoạch vốn năm 2025 giao cho tỉnh Gia Lai thực hiện (tính đến 05/10/2025) là 18.019,79 tỷ đồng, bao gồm:

- Vốn NSTW bổ sung có mục tiêu 4.978,60 tỷ đồng.
- Vốn ngân sách tỉnh 6.967,55 tỷ đồng.
- Vốn xã phường quản lý 6.073,64 tỷ đồng.

Tổng giá trị giải ngân kế hoạch vốn giao là 9.738,82 tỷ đồng,

- Đạt 67,32% so với Thủ tướng Chính phủ giao (9.738,82/14.466,62 tỷ đồng).
- Đạt 54,05% so với HĐND tỉnh giao (9.738,82/18.019,79 tỷ đồng).

Nguồn vốn	Kế hoạch vốn năm 2025 (HĐND tỉnh giao)	Vốn giải ngân	Tỉ lệ giải ngân
	3	4	5 = 4 : 3
TỔNG SỐ	18.019.792	9.738.823	54,05%
VỐN NSTW BỔ SUNG	4.978.596	2.546.855	51,16%
VỐN NGÂN SÁCH TỈNH	6.967.552	3.184.229	45,70%
VỐN PHƯỜNG, XÃ QUẢN LÝ	6.073.644	4.007.739	65,99%

4.2 Đầu tư công (tt)

4.2.1. Đối với các đơn vị chủ đầu tư cấp tỉnh

Giá trị khối lượng thực hiện của 35 đơn vị chủ đầu tư là 3.637,55/7.827,42 tỷ đồng, đạt 46,47%; trong đó:

- Có 17 đơn vị có tỷ lệ giải ngân cao hơn mức bình quân chung của khối Tỉnh.
- Có 01 đơn vị (BQL DA các CT GT&DD tỉnh) có tỷ lệ giải ngân cao hơn mức bình quân chung, nhưng do Trung ương bổ sung kế hoạch vốn trong tháng 8/2025 nên tỷ lệ giải ngân bị giảm (trước khi bổ sung tỷ lệ giải ngân là 64,55%; sau khi bổ sung vốn tỷ lệ giải ngân là 40,3%).
- Có 06 đơn vị có tỷ lệ giải ngân từ 30% đến dưới mức bình quân chung của khối Tỉnh.
- Có 11 đơn vị có tỷ lệ giải ngân dưới 30%.

STT	Địa phương, Chủ đầu tư	Kế hoạch vốn 2025	Vốn giải ngân	Tỉ lệ giải ngân (%)
1	Sở Xây dựng	593	593	100,00
2	Công ty TNHH MTV khai thác các công trình thủy lợi	2.540	2.527	99,46
3	Sở Nông nghiệp và Môi trường	3.735	3.711,470	99,36
4	Văn phòng Tỉnh ủy	15.532	15.122	97,36
5	BQL DA ĐTXD KV Chư Sê	48.130	44.112	91,65
6	Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh	54.318	45.459	83,69
7	Ban Quản lý dự án Nông nghiệp và PTNT tỉnh	702.673	578.544	82,33
8	Trung Tâm Phát triển quỹ đất	621.508	470.930	75,77
9	Ban Quản lý Khu kinh tế	189.029	142.921	75,61
10	Bệnh viện đa khoa tỉnh	38.492	27.133	70,49
11	Trung tâm Nước sạch và VSMT	79.942	52.754	65,99
12	Sở Giáo dục và Đào tạo	45.602	28.780	63,11
13	Sở Y tế	16.246	9.887	60,86
14	BQL DA ĐTXD KV Kbang	72.668	42.921	59,06
15	BQL DA ĐTXD KV Chư Prông	56.650	30.136	53,20
16	Công an tỉnh	32.838	16.905	51,48
17	BQL DA ĐTXD KV Đức Cơ	39.350	19.224	48,85
18	Bộ CHQS tỉnh	76.131	35.263	46,32
19	BQL DA ĐTXD KV CHƯ' PƯ' H	120.003	49.605	41,34
20	BQL DA ĐTXD KV An Khê	55.911	22.610	40,44
21	Ban QLDA các CT GT&DD tỉnh	3.992.403	1.608.889	40,30
22	BQL DA ĐTXD KV Mang Yang	37.960	13.893	36,60
23	BQL DA ĐTXD KV Ia Grai	28.741	10.364	36,06
24	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	76.926	26.344	34,25
25	BAN QLDA Hỗ trợ PTKV biên giới (Sở Tài chính)	103.845	30.862	29,72
26	Ban QLDA Đầu tư xây dựng tỉnh	783.438	211.522	27,00
27	BQL DA ĐTXD KV Phú Thiện	29.187	7.742	26,52
28	BQL DA ĐTXD KV Chư Păh	33.040	7.976	24,14
29	BQL DA ĐTXD KV Pleiku	147.583	34.520	23,39
30	Trường Cao đẳng Kỹ thuật Công nghệ Quy Nhơn	35.343	8.203	23,21
31	BQL DA ĐTXD KV Ia Pa	49.704	11.097	22,33
32	BQL DA ĐTXD KV Kông Chro	53.460	10.059	18,82
33	BQL DA ĐTXD KV Đak Pơ	50.269	6.283	12,50
34	BQL DA ĐTXD KV Đak Đoa	48.090	4.540	9,44
35	BQL DA ĐTXD KV Ayun Pa	85.538	6.123	7,16

4.2. Đầu tư công (tt)

4.2.2. Đối với các đơn vị chủ đầu tư cấp xã phường

Giá trị thực hiện của 135 đơn vị chủ đầu tư cấp xã là 2.255,92/5.232,42 tỷ đồng, đạt tỷ lệ 43,11% (chỉ bao gồm vốn ngân sách tỉnh và huyện trước đây); trong đó:

- Có 84 đơn vị có tỷ lệ giải ngân cao hơn mức bình quân chung của khối xã phường (1).
- Có 16 đơn vị có tỷ lệ giải ngân từ 30% đến dưới mức bình quân chung của khối xã phường (2).
- Có 32 đơn vị có tỷ lệ giải ngân dưới 30% (3).
- Có 03 đơn vị chưa có giá trị giải ngân (4).

(1) Phường An Bình, Xã An Nhơn Tây, Xã Đak Đoa, Phường Ayun Pa, Phường An Khê, Xã Ia Rbol, Xã Ia Puch, Xã Ia Sao, Xã Pờ Tó, Xã Ia Nan, Xã Ia O, Phường An Nhơn Đông, Xã Albá, Xã Ya Hội, Xã Chư Prông, Xã Ia Pia, Xã Ia Đơk, Xã Ia Ko, Xã An Lương, Xã Uar, Xã Ia Chía, Xã Ia Krêl, Xã Ia Hrí, Xã Ayun, Xã Bàu Cạn, Xã Ia Pa, Phường Hoài Nhơn Đông, Phường Thống Nhất, Xã Ngô Mỹ, Xã Sơn Lang, Xã Phú Túc, Xã Cửu An, Xã Tuy Phước Bắc, Phường Hoài Nhơn, Xã Phù Mỹ, Xã Ia HDreh, Xã Đăk Pơ, Xã Ia Boòng, Xã An Hòa, Phường Quy Nhơn, Xã Vĩnh Sơn, Phường Quy Nhơn Nam, Xã Phú Thiện, Xã Chư Păh, Xã Ia Tôr, Xã Kon Gang, Xã Bờ Ngoong, Xã Mang Yang, Xã Ia Rsai, Xã Canh Vinh, Phường Pleiku, Xã Kon Chiêng, Xã Chơ Long, Xã Phù Mỹ Đông, Xã Đức Cơ, Xã Chư Krêy, Phường Quy Nhơn Bắc, Xã Kông Bờ La, Xã Nhơn Châu, Phường Hoài Nhơn Tây, Phường Hội Phú, Xã Phù Mỹ Bắc, Phường An Nhơn, Xã KDang, Xã Bình Hiệp, Xã Ia Krái, Xã Ia Mor, Xã Biển Hồ, Phường Diên Hồng, Phường Bình Định, Xã Vĩnh Thạnh, Xã Ia Hiao, Xã Đề Gi, Xã Gào, Xã Ân Tường, Xã Ia Tul, Xã Tuy Phước, Xã Vĩnh Quang, Xã Ia Phí, Phường An Nhơn Bắc, Xã Đăk Rong, Xã Hoài Ân, Xã Tây Sơn, Phường Quy Nhơn Đông

(2) Xã Tơ Tung, Xã Ya Ma, Xã Krong, Xã Xuân An, Phường An Nhơn Nam, Xã Lơ Pang, Xã Hra, Xã Ia Le, Xã Kbang, Xã Đăk Song, Xã Bình Khê, Xã An Lão, Xã Ia Dom, Phường Quy Nhơn Tây, Xã Chư A Thai, Xã An Toàn.

(3) Xã Bình An, Xã Kông Chro, Xã Ia Grai, Xã Canh Liên, Xã Phù Mỹ Tây, Xã Bình Dương, Xã Ia Khươl, Xã Ia Lâu, Xã Kim Sơn, Xã Sró, Xã Hội Sơn, Xã Phù Cát, Phường Hoài Nhơn Nam, Xã Vĩnh Thịnh, Xã Vạn Đức, Xã Ia Băng, Xã Vân Canh, Xã Bình Phú, Xã Ia Pnôn, Xã Chư Sê, Xã Chư Puh, Phường Hoài Nhơn Bắc, Xã Hòa Hội, Xã Cát Tiến, Xã Ân Hảo, Phường Bồng Sơn, Xã Tuy Phước Tây, Xã Đak Somei, Xã Phù Mỹ Nam, Xã An Vinh, Phường Tam Quan, Xã Tuy Phước Đông.

(4) Phường An Phú, Xã Ia Ly, Xã Ia Hưng.

5. Thu hút đầu tư

- ❖ Công tác xúc tiến, thu hút đầu tư tiếp tục được đẩy mạnh.
- ❖ Trong 9 tháng đầu năm, toàn tỉnh thu hút 144 dự án đầu tư với tổng vốn đăng ký đầu tư là 78.003 tỷ đồng.
 - + **Về đầu tư nước ngoài (FDI):** Có 14 dự án FDI với tổng vốn đầu tư 35.487,7 tỷ đồng (tương đương 1.410 triệu USD).
 - + **Về đầu tư trong nước:** Có 130 dự án đầu tư trong nước với tổng vốn đăng ký 42.515 tỷ đồng.
- ❖ Trong 9 tháng, có 2.408 doanh nghiệp thành lập mới với tổng vốn đăng ký 18.672 tỷ đồng; so với cùng kỳ tăng 65,8% về số doanh nghiệp thành lập mới và tăng 67,6% về vốn đăng ký



5. Thu hút đầu tư (tt): Có 56/135 xã, phường đã thu hút được ít nhất 01 dự án đầu tư năm 2025

STT	Tên xã, phường	Chi tiêu cả năm	Dự án đã thu hút	Mức độ hoàn thành
1	xã Ia Rsai	5	5	Đạt chỉ tiêu
2	xã Hòa Hội	2	4	Đạt chỉ tiêu
3	xã Phù Mỹ Nam	2	4	Đạt chỉ tiêu
4	xã Vĩnh Quang	2	4	Đạt chỉ tiêu
5	phường An Bình	5	4	Chưa đạt chỉ tiêu
6	xã Ia Lâu	5	4	Chưa đạt chỉ tiêu
7	xã Kon Chiêng	6	4	Chưa đạt chỉ tiêu
8	phường Quy Nhơn Tây	1	3	Đạt chỉ tiêu
9	phường Quy Nhơn Nam	2	3	Đạt chỉ tiêu
10	phường Quy Nhơn Bắc	0	3	Đạt chỉ tiêu
11	xã An Nhơn Tây	3	3	Đạt chỉ tiêu
12	phường Hoài Nhơn Bắc	1	3	Đạt chỉ tiêu
13	xã Bình Dương	3	3	Đạt chỉ tiêu
14	xã Bình Khê	1	3	Đạt chỉ tiêu
15	xã Bình An	3	3	Đạt chỉ tiêu
16	xã Ia Khuol	4	3	Chưa đạt chỉ tiêu
17	xã Ia Boong	3	3	Đạt chỉ tiêu
18	xã Ia Le	5	3	Chưa đạt chỉ tiêu
19	phường Quy Nhơn Đông	0	2	Đạt chỉ tiêu
20	xã Phù Mỹ Đông	1	2	Đạt chỉ tiêu
21	xã An Lão	1	2	Đạt chỉ tiêu
22	phường Hội Phú	1	2	Đạt chỉ tiêu
23	phường An Khê	2	2	Đạt chỉ tiêu
24	xã Cửu An	1	2	Đạt chỉ tiêu
25	xã Chư Sê	1	2	Đạt chỉ tiêu
26	xã Ya Hội	2	2	Đạt chỉ tiêu
27	xã Kông Chro	2	2	Đạt chỉ tiêu
28	xã Mang Yang	2	2	Đạt chỉ tiêu

STT	Tên xã, phường	Chi tiêu cả năm	Dự án đã thu hút	Mức độ hoàn thành
29	phường Quy Nhơn	1	1	Đạt chỉ tiêu
30	phường An Nhơn	1	1	Đạt chỉ tiêu
31	phường Hoài Nhơn Tây	0	1	Đạt chỉ tiêu
32	phường Hoài Nhơn Nam	2	1	Chưa đạt chỉ tiêu
33	Xã Phù Cát	3	1	Chưa đạt chỉ tiêu
34	Xã Phù Mỹ	3	1	Chưa đạt chỉ tiêu
35	xã Tuy Phước	1	1	Đạt chỉ tiêu
36	xã Tây Sơn	2	1	Chưa đạt chỉ tiêu
37	xã Bình Hiệp	1	1	Đạt chỉ tiêu
38	xã Vân Canh	1	1	Đạt chỉ tiêu
39	xã Canh Liên	0	1	Đạt chỉ tiêu
40	xã Vĩnh Thạnh	0	1	Đạt chỉ tiêu
41	xã Vĩnh Thịnh	1	1	Đạt chỉ tiêu
42	phường An Phú	1	1	Đạt chỉ tiêu
43	xã Ia Pia	3	1	Chưa đạt chỉ tiêu
44	xã Ia Hnú	1	1	Đạt chỉ tiêu
45	xã Đak Pơ	1	1	Đạt chỉ tiêu
46	xã Tơ Tung	1	1	Đạt chỉ tiêu
47	xã Ya Ma	1	1	Đạt chỉ tiêu
48	xã Chợ Long	1	1	Đạt chỉ tiêu
49	xã Phú Thiện	2	1	Chưa đạt chỉ tiêu
50	xã Ia Pa	1	1	Đạt chỉ tiêu
51	xã Phú Túc	1	1	Đạt chỉ tiêu
52	xã Ia Dreh	1	1	Đạt chỉ tiêu
53	xã Uar	1	1	Đạt chỉ tiêu
54	xã Lơ Pang	1	1	Đạt chỉ tiêu
55	xã Ia Hrug	1	1	Đạt chỉ tiêu
56	xã Ia Nan	1	1	Đạt chỉ tiêu

5. Thu hút đầu tư (tt)

- Sáng 29/8, tại Khách sạn Mường Thanh (phường Pleiku), tỉnh Gia Lai long trọng tổ chức Hội nghị xúc tiến đầu tư tỉnh Gia Lai năm 2025
- Hội nghị thu hút hơn 400 doanh nghiệp, nhà đầu tư tham dự.



6. Tài nguyên - Môi trường

- Các địa phương tiếp tục tăng cường công tác quản lý tài nguyên khoáng sản, kiểm tra, kịp thời xử lý nghiêm các trường hợp khai thác đất, đá, cát... trái phép hoặc không đúng quy định.
- UBND tỉnh tiếp tục chỉ đạo quyết liệt, đồng bộ phương án xử lý vấn đề môi trường trên địa bàn tỉnh, nhất là trong vấn đề thu gom, vận chuyển, xử lý rác, chất thải, nước thải cả trong sản xuất và sinh hoạt.



7. Văn hóa – xã hội

- Ngành Giáo dục và Đào tạo đã hoàn thành công tác tuyển sinh các lớp đầu cấp năm học 2025 - 2026, tổ chức Hội nghị tổng kết năm học và Lễ tuyên dương học sinh giỏi năm học 2024 - 2025; chuẩn bị đầy đủ các điều kiện về cơ sở vật chất và đội ngũ để khai giảng năm học 2025 - 2026. Công tác quản lý việc dạy thêm, học thêm được tăng cường; hoạt động chuyển đổi số và phát triển giáo dục STEM trên địa bàn tiếp tục được đẩy mạnh.
- Các hoạt động thể thao quần chúng, các giải thi đấu thể thao trong tỉnh được triển khai theo kế hoạch. Triển khai thực hiện Kế hoạch phát triển thể thao giai đoạn 2021 - 2025, đề xuất phương hướng xây dựng Đề án phát triển thể thao giai đoạn 2026 - 2030 và định hướng đến năm 2045.
- Ngành Y tế: Công tác phòng, chống dịch bệnh được tập trung triển khai kịp thời, hiệu quả. Đảm bảo đầy đủ thuốc, hóa chất, vật tư, thiết bị phòng chống dịch bệnh trên địa bàn tỉnh. Bên cạnh đó, công tác y tế dự phòng, khám chữa bệnh, chăm sóc sức khỏe nhân dân, công tác dân số - kế hoạch hóa gia đình tiếp tục được quan tâm.

Công tác an sinh xã hội, chăm lo đời sống cho các đối tượng chính sách tiếp tục được thực hiện.

Nhân kỷ niệm 80 năm Ngày Cách mạng Tháng Tám thành công (19/8/1945 - 19/8/2025) và Quốc khánh nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (02/9/1945 - 02/9/2025). Các đồng chí lãnh đạo tỉnh đã thăm, tặng quà cán bộ lão thành cách mạng, cán bộ tiền khởi nghĩa và gia đình người có công với cách mạng tiêu biểu



7. Văn hóa – xã hội (tt)

- Triển khai quyết liệt Kế hoạch thực hiện Chương trình hành động của Chính phủ và Chương trình hành động của Ban Thường vụ Tỉnh ủy thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia
- Tình hình sản xuất và đời sống của đồng bào dân tộc thiểu số trên địa bàn tỉnh ổn định; công tác bảo vệ, chăm sóc sức khỏe cho đồng bào dân tộc thiểu số được duy trì thường xuyên; công tác phòng chống dịch bệnh được các cấp, các ngành, địa phương triển khai thực hiện nghiêm túc.

8. Công tác Nội chính

- ❖ Mô hình chính quyền địa phương 2 cấp nhìn chung vận hành thông suốt và đạt kết quả tích cực bước đầu; phân cấp, phân quyền, cải cách thủ tục hành chính được đẩy mạnh
- ❖ Công tác tiếp dân và xử lý đơn thư khiếu nại, tố cáo được thực hiện thường xuyên, giải quyết kịp thời những vụ việc bức xúc, đông người, nhất là các vụ việc liên quan đến công tác thu hồi đất, bồi thường giải phóng mặt bằng thi công các công trình trọng điểm trên địa bàn tỉnh.
- ❖ Tình hình an ninh chính trị trên địa bàn tiếp tục được giữ vững ổn định; công tác triển khai kế hoạch bảo vệ các ngày Lễ lớn của tỉnh và cả nước được quan tâm chú trọng

Phần

02

NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM QUÝ IV NĂM 2025



I. NHIỆM VỤ TĂNG TRƯỞNG GRDP NĂM 2025

STT	Ngành kinh tế	Nhiệm vụ tăng trưởng GRDP năm 2025						
		Thực hiện 6 tháng đầu năm	Ước quý III	Ước 9 tháng đầu năm	Dự kiến đạt NQ 226/NQ-CP ngày 5/8/2025		Dự kiến phấn đấu đạt mức bq cả nước	
					Nhiệm vụ IV	Dự kiến cả năm	Nhiệm vụ IV	Dự kiến cả năm
	Tốc độ tăng GRDP	7,56	6,88	7,31	8,0	7,5	10,6	8,3
1	Nông, lâm nghiệp và thủy sản	4,41	2,26	3,77	5,0	4,2	6,7	4,8
2	Công nghiệp và xây dựng	10,48	11,06	10,93	10,5	10,8	13	11,5
a)	Công nghiệp	11,02	12,76	11,97	10,5	11,6	12,1	12
b)	Xây dựng	9,8	6,95	8,05	10,4	8,8	14,5	10,3
3	Dịch vụ	7,64	7,30	7,53	8,5	7,8	11,8	8,7
4	Thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm	3,05	2,26	1,42	7	3	12,3	4,5

II. NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM QUÝ IV NĂM 2025

1

Tiếp tục triển khai vận hành mô hình chính quyền địa phương 2 cấp vận hành ổn định, thông suốt, phục vụ người dân và doanh nghiệp ngày càng tốt hơn.

2

Tiếp tục chỉ đạo, điều hành các hoạt động kinh tế - xã hội theo Kế hoạch, kịch bản đã đề ra, quyết tâm tăng trưởng GRDP cả năm 2025 từ 7,5% trở lên; phấn đấu mức tăng trưởng từ 7,5 - 8% trong điều kiện thuận lợi

3

Triển khai kịp thời Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ I, nhiệm kỳ 2025 – 2030 và các Chương trình hành động thực hiện 07 Nghị quyết chiến lược của Bộ Chính trị (số 57, 59, 66, 68, 70, 71, 72) đã ban hành trong thời gian qua

4

Đẩy nhanh tiến độ thực hiện điều chỉnh Quy hoạch tỉnh Gia Lai và Quy hoạch chung cấp xã; tổ chức lại không gian phát triển các hoạt động kinh tế - xã hội trên địa bàn tỉnh nhằm bảo đảm phát huy hiệu quả tất cả tiềm năng, thế mạnh của tỉnh sau hợp nhất

II. NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM QUÝ IV NĂM 2025

5

❖ Tiếp tục triển khai sản xuất vụ Mùa, chuẩn bị sản xuất vụ Đông Xuân 2025-2026. Đẩy mạnh chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi và phát triển nuôi trồng thủy sản. Tiếp tục triển khai các giải pháp phòng chống khai thác thủy sản bất hợp pháp (IUU). Chuẩn bị, triển khai tốt các phương án phòng chống thiên tai trong mùa mưa bão

6

Nắm chắc tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp, tăng cường thực hiện các giải pháp hỗ trợ, tháo gỡ khó khăn cho doanh nghiệp. Tập trung triển khai hiệu quả các giải pháp thúc đẩy phát triển thương mại, dịch vụ, du lịch. tiếp tục nghiên cứu và mở rộng các loại hình và sản phẩm du lịch mới.

7

Tập trung đẩy nhanh công tác GPMB, triển khai các dự án trọng điểm đã khởi công vừa qua như: Dự án đầu tư xây dựng đường cất hạ cánh số 2 và các công trình đồng bộ tại khu bay Cảng hàng không Phù Cát; Dự án Đầu tư Xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng KCN Phù Mỹ... Rà soát, chuẩn bị chu đáo các điều kiện có liên quan để cùng cả nước ra quân khởi công, khánh thành các công trình, dự án trọng điểm chào mừng Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng (ngày 19/12/2025)

II. NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM QUÝ IV NĂM 2025

8

❖Đẩy mạnh giải ngân vốn đầu tư công, đảm bảo thành mục tiêu giải ngân 100% kế hoạch đầu tư công năm 2025. Tăng cường công tác quản lý thu, đôn đốc thu, chống thất thu, giảm nợ đọng thuế, phấn đấu thu ngân sách đạt ít nhất 27.000 tỷ đồng. Đảm bảo chi ngân sách theo đúng tiêu chuẩn, định mức, tiết kiệm, hiệu quả.

9

Tập trung nâng cao chất lượng các hoạt động văn hóa – xã hội; thực hiện hiệu quả công tác an sinh xã hội; triển khai kế hoạch giảm nghèo bền vững; đào tạo nghề, giải quyết việc làm, tạo sinh kế cho người dân, nhất là tại các xã biên giới. Đẩy mạnh triển khai phong trào “Bình dân học vụ số”.

10

Chuẩn bị chu đáo nội dung, tài liệu phục vụ các kỳ họp Hội đồng nhân dân tỉnh trong thời gian đến. Tăng cường công tác quốc phòng an ninh, bảo đảm trật tự an toàn xã hội. Tiếp tục triển khai thực hiện nhiệm vụ quân sự, quốc phòng năm 2025 theo kế hoạch.

III. NHIỆM VỤ CỤ THỂ CÁC NGÀNH, LĨNH VỰC

• 1. NÔNG, LÂM, THỦY SẢN, QUẢN LÝ TÀI NGUYÊN – MÔI TRƯỜNG

- ❖ Phân đầu tốc độ tăng GRDP Nông, lâm nghiệp và thủy sản Quý IV/2025 tăng 5,0% để cả năm tăng khoảng 4,2%
- ❖ Tiếp tục chỉ đạo tình hình sản xuất, triển khai thực hiện các giải pháp kỹ thuật phù hợp với tình hình thời tiết. Tăng cường kiểm tra hướng dẫn chăm sóc, phòng trừ sâu bệnh đạt hiệu quả. Chuẩn bị tổ chức sản xuất vụ Đông – Xuân 2025 - 2026
- ❖ Triển khai công tác tái đàn vật nuôi gắn với công tác phòng ngừa dịch bệnh. Đảm bảo số lượng và sản lượng các loại vật nuôi chủ lực đạt kế hoạch đề ra.
- ❖ Tiếp tục triển khai thực hiện hiệu quả Kế hoạch bảo vệ rừng và phòng chống cháy rừng; công tác phát triển rừng và đẩy mạnh công tác phát triển trồng rừng sản xuất cây gỗ lớn trên địa bàn tỉnh
- ❖ Tiếp tục thực hiện nghiêm túc công tác bảo vệ môi trường; thu gom, xử lý rác thải; triển khai Phương án phòng chống thiên tai, tìm kiếm cứu nạn năm 2025 trên địa bàn.

• 2. CÔNG NGHIỆP – XÂY DỰNG

- ❖ Phân đầu tốc độ tăng GRDP Công nghiệp, xây dựng Quý IV/2025 tăng 10,5% (trong đó công nghiệp 10,5%, xây dựng 10,4%) để cả năm tăng khoảng 10,8%
- ❖ Phân đầu chỉ số sản xuất công nghiệp 3 tháng cuối năm 2025 ước tăng từ 10-10,5% để cả năm 2025 đạt 8,5 - 9,5% so với cùng kỳ (đạt 100% KH năm).
- ❖ Tiếp tục tổ chức làm việc với các doanh nghiệp, dự án công nghiệp chủ lực trên địa bàn tỉnh nắm bắt khó khăn, vướng mắc và đề xuất hỗ trợ tháo gỡ, tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động sản xuất kinh doanh; nhất là các dự án sản xuất công nghiệp đi vào hoạt động trong các tháng cuối năm 2025
- ❖ Tập trung đẩy mạnh thực hiện công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng và xây dựng các khu tái định cư, khu cải táng phục vụ các công trình, dự án trọng điểm trên địa bàn tỉnh

• 3. THƯƠNG MẠI, DỊCH VỤ, DU LỊCH

- ❖ Tiếp tục đẩy mạnh các hoạt động thương mại, xuất khẩu; triển khai các giải pháp kích cầu, thúc đẩy thương mại, dịch vụ, du lịch...
- ❖ Tổ chức làm việc, trao đổi, kết nối với doanh nghiệp, đơn vị hàng không, lữ hành, du lịch lớn trong cả nước để tăng cường mối quan hệ hợp tác, xây dựng các tour, tuyến du lịch đến tỉnh.
- ❖ Tăng cường thu hút du lịch MICE, triển khai hiệu quả kế hoạch thu hút du lịch trong mùa thấp điểm.

• 4. TÀI CHÍNH – NGÂN SÁCH

- ❖ Tổ chức triển khai thực hiện tốt nhiệm vụ thu ngân sách nhà nước. Tăng cường công tác quản lý thu, chống thất thu, giảm nợ đọng thuế
- ❖ Tiếp tục hỗ trợ doanh nghiệp được hưởng tối đa các chính sách ưu đãi, hỗ trợ tháo gỡ khó khăn theo quy định của Trung ương
- ❖ Đảm bảo chi ngân sách theo đúng tiêu chuẩn, định mức, tiết kiệm, hiệu quả

• 5. ĐẦU TƯ CÔNG

- ❖ Đẩy mạnh giải ngân vốn đầu tư công, triển khai hiệu quả 03 Chương trình mục tiêu quốc gia. Đảm bảo giải ngân 100% kế hoạch vốn đầu tư công năm 2025 HĐND tỉnh giao
- ❖ Tập trung tháo gỡ các khó khăn vướng mắc để đẩy nhanh tiến độ thực hiện các dự án trọng điểm
- ❖ Kiên quyết rà soát, điều hòa vốn đầu tư công từ chủ đầu tư chưa thực hiện được sang chủ đầu tư thực hiện có khối lượng hoàn thành nhưng thiếu vốn

• 6. ĐẦU TƯ NGOÀI NGÂN SÁCH

- ❖ Tiếp tục đầu tư phát triển hạ tầng các khu, cụm công nghiệp, làng nghề trên địa bàn tỉnh. Tăng cường hoạt động quảng bá, tổ chức các đoàn xúc tiến đầu tư trong và ngoài nước
- ❖ Chủ động phối hợp với các nhà đầu tư giải quyết kịp thời các vướng mắc để sớm thu hút được các dự án lớn, dự án trọng điểm có sức lan toả lớn mà tỉnh đang rất quan tâm
- ❖ Đề nghị các chủ đầu tư hạ tầng khu – cụm công nghiệp nhanh chóng hoàn thiện đầy đủ hạ tầng kỹ thuật để sẵn sàng cho các nhà đầu tư thứ cấp vào đầu tư.
- ❖ Các ngành, địa phương tập trung thực hiện GPMB đối với những dự án đã có chủ trương đầu tư nhưng thực hiện còn chậm

• 7. VĂN HÓA – XÃ HỘI

- ❖ Ngành Giáo dục tập trung chỉ đạo nâng cao chất lượng giảng dạy và học tập trong năm học 2025 – 2026. Đẩy nhanh tiến độ chuẩn bị, sớm triển khai đầu tư Dự án xây dựng trường học nội trú liên cấp tiểu học và trung học cơ sở tại 07 xã biên giới. Tổ chức triển khai Kế hoạch thực hiện Đề án phát triển giáo dục STEM giai đoạn 2025 2030 kịp thời, hiệu quả.
- ❖ Ngành y tế tiếp tục thực hiện nhiệm vụ phòng, chống dịch bệnh trên địa bàn tỉnh; đảm bảo đầy đủ thuốc, hóa chất, vật tư, thiết bị y tế... Tập trung xây dựng Đề án “Phát triển hệ thống y tế tỉnh Gia Lai đến năm 2030”.
- ❖ Các cấp, các ngành, các địa phương tiếp tục thực hiện có hiệu quả các chính sách an sinh xã hội, chăm lo đời sống vật chất, tinh thần của Nhân dân, gia đình chính sách, người lao động, người có hoàn cảnh khó khăn.
- ❖ Tập trung triển khai các nhiệm vụ về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.

• 8. NỘI CHÍNH

- ❖ Triển khai thực hiện đầy đủ các chế độ, chính sách đối với cán bộ, công chức, viên chức, người hoạt động theo Nghị định số 178/2024/NĐ-CP và Nghị định số 67/2025/NĐ-CP của Chính phủ.
- ❖ Tiếp tục tổ chức các lớp đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho cán bộ, công chức, viên chức cấp xã theo Kế hoạch số 04/KH-UBND ngày 09/7/2025 của UBND tỉnh.
- ❖ Tiếp tục đẩy mạnh cải cách hành chính, rà soát, cắt giảm thủ tục hành chính thực chất, hiệu quả, bảo đảm thông thoáng thuận lợi, không gây phiền hà cho người dân, doanh nghiệp
- ❖ Tăng cường công tác quốc phòng - an ninh, bảo đảm trật tự an toàn xã hội, đặc biệt là giảm thiểu tai nạn giao thông



**XIN
TRÂN TRỌNG
CẢM ƠN**

